

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HSST

Ngày: 17/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Đông và bà Trần Thị Hải Yến

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Lại Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024, đối với:

1. Bị cáo Trần Thị M, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện L, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Hữu T và bà Trần Thị T; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ nhất; chồng là Trần Trọng M và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

2. Bị cáo Bùi Văn D, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường C, thành phố P, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV thương mại và vận tải B; Đảng, đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: 07/10; con ông Bùi Như L (đã chết) và bà Bùi Thị S; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ là Phan Thị H, sinh năm 1963 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

* *Người làm chứng:* Ông Trần Trọng T, sinh năm 1962; Chị Trần Thị L, sinh năm 1982; Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Chị Nguyễn Thị K.T, sinh năm 1982; Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Doanh nghiệp tư nhân M (Doanh nghiệp M) được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 27/12/2004; địa chỉ trụ sở: thôn 7, xã H, huyện L, tỉnh H; mã số thuế 0700302603; ngành nghề kinh doanh: đại lý mua bán xăng dầu, mua bán vật liệu xây dựng...; chủ doanh nghiệp là ông Trần Trọng T, sinh năm 1962, cùng trú địa chỉ trên. Doanh nghiệp M có 02 cửa hàng xăng dầu: cửa hàng tại thôn 7, xã H, huyện L do ông Trần Trọng T trực tiếp quản lý bán hàng; cửa hàng ở thôn 1, xã H, huyện L do Trần Thị M, sinh năm 1990 (con dâu ông Trần Trọng T) trực tiếp quản lý, bán hàng. Việc tổng hợp theo dõi kết quả mua, bán xăng dầu của cả hai cửa hàng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho khách khi có yêu cầu do Trần Thị M chịu trách nhiệm thực hiện.

Công ty TNHH MTV thương mại và vận tải B (Công ty B) được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 05/4/2010, địa chỉ trụ sở: tổ dân phố D, phường C, thành phố P, tỉnh H, mã số thuế 0700484814; ngành nghề kinh doanh: khai thác đá, cát sỏi, vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng...; Giám đốc, người đại diện theo pháp luật là Bùi Văn D, sinh năm 1959 cùng trú địa chỉ trên. Quá trình kinh doanh, trong các năm 2020, 2021 và 2022 Bùi Văn D đại diện Công ty B ký hợp đồng mua bán dầu Diesel (Do 0,05S) với ông Trần Trọng T - đại diện Doanh nghiệp M. Theo đó Bùi Văn D đến mua dầu tại cửa hàng xăng dầu thôn 1, xã H nên quen biết Trần Thị M. Năm 2021 Bùi Văn D đặt vấn đề với Trần Thị M về việc mua hóa đơn GTGT khống (không có hàng hóa thật) của Doanh nghiệp M nhằm kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào của Công ty B. Hai bên thỏa thuận khi nào Công ty B cần hóa đơn thì Bùi Văn D thông báo cho Trần Thị M biết để viết hóa đơn khống và mỗi hóa đơn có giá trị thanh toán không quá 20 triệu đồng để che giấu việc không phải thanh toán tiền hàng qua tài khoản theo quy định của nhà nước; giá mỗi hóa đơn không được tính 300đ/1 lít dầu nhân với số lít dầu ghi trên hóa đơn.

Trong thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 8/2022, Trần Thị M đã bán 54 hóa đơn GTGT khống cho Bùi Văn D. Tổng lượng dầu Diesel ghi trên 54 hóa đơn là 49.123,37 lít, tổng giá trị thanh toán khống là 1.029.615.478 đồng, trong đó tiền hàng là 936.014.081 đồng, trị giá tiền thuế GTGT là 91.601,397 đồng; Bùi Văn D đã thanh toán tiền mặt cho Trần Thị M mua hóa đơn khống là 14.337.000đ, cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

SỐ HĐ	NGÀY	TIỀN HÀNG	THUẾ GTTG	CỘNG
-------	------	-----------	-----------	------

		Dầu Do 0,05S-II		
694	08/8/2021	17.448.628	1.744.863	19.193.491
703	16/8/2021	17.239.535	1.723.953	18.963.488
707	27/8/2021	14.372.998	1.437.299	15.810.097
709	31/8/2021	16.695.907	1.669.509	18.365.497
712	05/9/2021	18.147.725	1.814.772	19.962.497
714	09/9/2021	18.147.725	1.814.772	19.962.497
719	17/9/2021	18.122.538	1.812.253	19.934.791
722	23/9/2021	18.122.538	1.812.253	19.934.791
724	29/9/2021	7.986.128	789.612	8.784.740
726	02/10/2021	15.372.720	1.537.272	16.909.992
730	07/10/2021	16.909.992	1.609.999	18.600.991
736	16/10/2021	17.889.993	1.788.999	19.678.992
742	22/10/2021	17.889.993	1.788.999	19.678.992
747	28/10/2021	18.125.995	1.812.899	19.938.594
01	01/11/2021	17.345.450	1.734.545	19.079.995
02	04/11/2021	17.345.450	1.734.545	19.079.995
03	07/10/2021	17.345.450	1.734.545	19.079.995
05	09/11/2021	17.345.450	1.734.545	19.079.995
08	14/11/2021	17.345.450	1.734.545	19.079.995
11	18/11/2021	17.345.450	1.734.545	19.079.995
14	26/11/2021	17.306.360	1.703.636	18.739.996
17	28/11/2021	17.306.360	1.703.636	18.739.996
23	05/12/2021	17.306.360	1.703.636	18.739.996
25	08/12/2021	17.306.360	1.703.636	18.739.996
28	12/12/2021	16.063.630	1.606.363	17.669.993
31	16/12/2021	17.669.993	1.776.999	19.436.992
34	19/12/2021	17.669.993	1.776.999	19.436.992
35	22/12/2021	17.991.265	1.799.126	19790.391
37	25/12/2021	17.991.265	1.799.126	19790.392

38	30/12/2021	17.983.035	1.798.303	19.781.338
35	03/6/2022	17.613.821	1.761.382	19.375.203
37	07/6/2022	17.613.821	1.761.382	19.375.203
39	10/6/2022	17.491.503	1.749.150	19.240.653
42	13/6/2022	17.980.775	1.798.078	19.778.853
45	18/6/2022	18.163.636	1.816.363	19.979.999
46	21/6/2022	18.029.090	1.802.909	19.831.999
48	23/6/2022	18.087.726	1.802.772	19.896.498
50	25/6/2022	18.087.726	1.802.772	19.896.498
51	28/6/2022	18.087.726	1.802.772	19.896.498
55	05/7/2022	18.119.996	1.812.000	19.931.996
57	07/7/2022	17.982.724	1.798.272	19.780.996
59	09/7/2022	17.021.715	1.702.181	18.723.996
62	12/7/2022	17.997.818	1.799.782	19.797.600
63	15/7/2022	17.997.818	1.799.782	19.797.600
65	18/7/2022	17.628.000	1.762.800	19.390.800
68	21/7/2022	16.025.454	1.602.546	17.628.000
70	25/7/2022	17.968.361	1.796.836	19.765.197
73	27/7/2022	17.968.361	1.796.836	19.765.197
74	30/7/2022	16.586.179	1.658.618	18.244.797
79	08/8/2022	18.055.954	1.805.596	19.861.550
80	08/8/2022	17.723.636	1.772.364	19.496.000
83	11/8/2022	18.166.727	1.816.673	19.983.400
86	13/8/2022	18.043.180	1.804.317	19.847.497
87	16/8/2022	17.521.498	7.752.150	19.263.748
TỔNG		936.014.081	93.601.397	1.029.615.478

Để che giấu việc bán hóa đơn không, Trần Thị M đã lợi dụng vào việc theo dõi số lượng dầu nhập vào, số lượng dầu bán ra hàng tháng trong đó có số lượng dầu bán ra nhưng khách hàng không lấy hóa đơn để tổng hợp lượng dầu ghi vào 54 hóa đơn không; từ tháng 8/2021 đến tháng 12/2021, Trần Thị M đã nhờ chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 trú tại thôn L, xã X, huyện L (là người giúp việc cho gia đình Trần Thị M) viết tổng cộng 30 hóa đơn GTGT theo số liệu Trần Thị M ghi trong sổ, sau

đó Trần Thị M đưa hóa đơn cho ông Trần Trọng T ký và đóng dấu Doanh nghiệp M để xuất bán cho Bùi Văn D. Năm 2022, Doanh nghiệp M dùng hóa đơn điện tử thì Trần Thị M trực tiếp lập trên trang thuế điện tử và sử dụng chữ ký số của ông Trần Trọng T để xuất bán hóa đơn cho Bùi Văn D từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2022 là 24 hóa đơn. Trần Thị M đã đưa 54 hóa đơn GTGT cho chị Trần Thị L, sinh năm 1982, trú tại thôn 9, xã H, huyện L là kế toán của Doanh nghiệp M để kê khai báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn và kê khai báo cáo thuế năm 2021 và 2022. Ngày 29/8/2023 Trần Thị M đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền có được do bán hóa đơn là 14.737.000 đồng.

Bùi Văn D đã giao 54 hóa đơn mua của Doanh nghiệp M nêu trên cho chị Nguyễn Thị K.T, sinh năm 1982, trú tại phường C, thành phố P, tỉnh H là Kế toán của Công ty B để kê khai hàng hóa đầu vào trong quý 3/2021 là 09 số hóa đơn; quý 4/2021 là 21 số hóa đơn, quý 2/2022 là 09 số hóa đơn và quý 3/2022 là 21 số hóa đơn. Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào được tính khấu trừ là 93.601.397 đồng.

Quá trình xác minh Bùi Văn D khai Công ty B sử dụng xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 90C- 10642 chở téc, thùng phuy đến mua dầu tại cửa hàng bán xăng dầu của Trần Thị M đồng thời Trần Thị M giao nộp 01 đầu ghi hình camera của Doanh nghiệp M.

Ngày 05/9/2023, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam ra quyết định số 108/QĐ- CSKT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam tiến hành giám định dữ liệu điện tử trong đầu thu camera. Tại bản kết luận giám định số 1375/KL-KTHS ngày 11/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: “ Không xác định được có phương tiện ô tô BKS 90C- 10642 xuất hiện tại cửa hàng xăng dầu của Doanh nghiệp tư nhân M trong các ngày Doanh nghiệp tư nhân M xuất hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV thương mại và vận tải B do không trích xuất, phục hồi được dữ liệu các ngày Doanh nghiệp tư nhân M xuất hóa đơn GTGT cho Công ty Công ty TNHH MTV thương mại và vận tải B trong mẫu gửi giám định (ký hiệu A); Không khôi phục được dữ liệu hình ảnh lưu trữ trong mẫu gửi giám định (ký hiệu A) trong thời gian từ tháng 10/2020 đến hết tháng 8/2022”.

Ngày 26/9/2023, Cơ quan điều tra thực hiện lệnh khám xét chỗ ở, làm việc của Trần Thị M thu giữ: 01 quyển sổ ghi chép việc mua bán hàng đồng thời khám xét trụ sở Công ty B (là nơi làm việc, chỗ ở) của Bùi Văn D không thu giữ tài liệu, vật chứng nào. Ngoài ra, Trần Thị M tự nguyện giao nộp 02 quyển sổ theo dõi hàng hóa, hóa đơn, 03 hợp đồng mua bán giữa Doanh nghiệp M với Công ty B, 54 hóa đơn và một số giấy tờ, tài liệu khác.

Tại bản kết luận giám định số 821/KL-KTHS ngày 20/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: (1) Chữ ký đứng tên Chủ doanh nghiệp - Trần Trọng T và chữ ký không đứng tên dưới mục “Thủ trưởng đơn vị”, “Đại diện

bên A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A30, A55, A56 và A57 so với chữ ký của Trần Trọng T trên mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M8 do cùng một người ký ra. (2) Chữ ký đứng tên Giám đốc - Bùi Văn D dưới mục “Đại diện bên B” trên mẫu cần giám định ký hiệu A55, A56, A57 so với chữ ký Bùi Văn D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M9 đến M12 do cùng một người ký ra. (3) Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định từ A1 đến A30 so với chữ viết của Nguyễn Thị H trên mẫu cần so sánh ký hiệu từ M13 đến M16 do cùng một người viết ra. (4) Hình dấu tròn có nội dung “DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN M” dưới mục “Thủ trưởng đơn vị”, “Đại diện bên A” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A30, A55, A56, A57 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một con dấu đóng ra. (5) Hình dấu chức danh có nội dung “CHỦ DOANH NGHIỆP - TRẦN TRỌNG T” dưới mục “Thủ trưởng đơn vị”, “Đại diện bên A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A28, A30, A55, A56 và A57 so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một con dấu đóng ra. (6) Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM VÀ VẬN TẢI B” dưới mục “Đại diện bên B” trên mẫu cần giám định ký hiệu A55, A56 và A57 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M3 do cùng một con dấu đóng ra. (7) Hình dấu chức danh có nội dung “GIÁM ĐỐC - BÙI VĂN D” dưới mục “Đại diện bên B” trên mẫu cần giám định ký hiệu A55, A56 và A57 so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M4 do cùng một con dấu đóng ra. (8) Dưới mục “Người bán hàng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A31 đến A54 không có chữ ký nên không tiến hành giám định.

Bản kết luận giám định tư pháp ngày 22/11/2023 của Hội đồng giám định - Cục thuế tỉnh Hà Nam xác định: “Công ty TNHH MTV thương mại và vận tải B sử dụng 54 hóa đơn GTGT bất hợp pháp (hóa đơn khống) của Doanh nghiệp tư nhân Mạnh Toàn để kê khai thuế GTGT đầu vào thì số thuế GTGT hàng hóa mua vào của 54 hóa đơn GTGT bất hợp pháp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Do đó Công ty TNHH MTV thương mại và vận tải B kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT mua vào được khấu trừ (chỉ tiêu số 25) tại tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT của các kỳ tính thuế tương ứng với 54 hóa đơn GTGT với tổng số tiền là 93.601.397 đồng (trong đó kỳ tính thuế Quý 3/2021 giảm 14.628.366 đồng; kỳ tính thuế Quý 4/2021 giảm 36.377.598 đồng; kỳ tính thuế Q2/2022 giảm 11.115.580 đồng; kỳ tính thuế Quý 3/2022 giảm 26.479.853 đồng) từ đó dẫn tới tăng số thuế GTGT còn phải nộp (chỉ tiêu số 40) tại tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT của kỳ tính thuế Quý 3/2021, số tiền là 9.805.936 đồng, số thuế GTGT còn phải nộp tại tờ khai thuế GTGT mẫu 01/GTGT (chỉ tiêu số 40) của kỳ thuế Quý 4/2021, Quý 2/2022, Quý 3/2022 là 0 đồng....Chưa đủ cơ sở để xác định về giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV thương mại và vận tải B phải nộp trong năm 2021, 2022”.

Tại biên bản làm việc ngày 19/12/2023, Tổ giám định đã giải thích nội dung kết luận giám định về thuế GTGT của Công ty B xác định: “Công ty TNHH MTV thương mại và vận tải B sử dụng 54 hóa đơn GTGT bất hợp pháp (hóa đơn không) để kê khai hàng hóa dịch vụ mua vào, đã làm tăng số tiền thuế GTGT mua vào được khấu trừ là 93.601.397 đồng (trong kỳ tính thuế quý 3/2021 14.628.366 đồng, kỳ tính thuế quý 4/2021 là 36.377.598 đồng, kỳ tính thuế quý 2/2022 là 16.115.580 đồng, kỳ tính thuế quý 3/2022 là 26.479.853 đồng, từ đó làm giảm số thuế GTGT phải nộp là 9.805.936 đồng. Ngày 28/11/2023, Chi cục thuế khu vực Phủ Lý - Kim Bảng xác định từ năm 2021 đến nay chưa tiến hành kiểm tra thuế tại trụ sở Công ty B. Đối với 54 hóa đơn GTGT không Công ty B mua của Doanh nghiệp M có kê khai hoạch toán vào chi phí hợp lý để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021, 2022 của Công ty B thì Chi cục thuế chưa nắm được.

Cáo trạng số 03/CT-VKSHN-P1 ngày 19/12 /2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Trần Thị M và Bùi Văn D đều về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị M và Bùi Văn D phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 đối với Trần Thị M); Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt tiền bị cáo Trần Thị M, Bùi Văn D mỗi bị cáo từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Thị M 01 đầu ghi hình camera hiệu Dahua (được niêm phong); tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 14.737.000 đồng do Trần Thị M nộp. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị M, Bùi Văn D khai nhận hành vi của mình đúng như trong bản Cáo trạng; không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trần Thị M đề nghị được tuyên trả lại 01 đầu ghi hình camera là tài sản của cửa hàng xăng dầu của bị cáo do không liên quan đến tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, những Người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, do họ đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo:

Tại phiên toà các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai người làm chứng, các bản Kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Với mục đích vụ lợi, bị cáo Trần Thị M đã bán 54 hoá đơn GTGT khống (không có hàng hoá kèm theo) của Doanh nghiệp M cho bị cáo Bùi Văn D - Giám đốc Công ty B, nội dung hoá đơn ghi khống 49.123,37 lít dầu Diesel trị giá 936.0124.081 đồng, trị giá thuế GTGT là 93.601.397 đồng, tổng giá trị là 1.029.615.478 đồng, hưởng lợi bất chính 14.737.011 đồng; Bùi Văn D với mục đích làm tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, làm giảm số thuế GTGT đầu ra phải nộp đã mua 54 hoá đơn GTGT khống trên của Trần Thị M, chỉ đạo kế toán đưa vào kê khai, báo cáo thuế trong quý 3, 4/2021 và quý 2, 3/2022, tổng số thuế GTGT đầu vào được tính khấu trừ là 93.601.397 đồng.

Hành vi của các bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước nếu không được ngăn chặn kịp thời nên cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân, vai trò, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

3.1. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự.

3.2. Về vai trò: Các bị cáo có vai trò tương đương nhau: Bị cáo Trần Thị M là người bán 54 hoá đơn GTGT khống, hưởng lợi bất chính 14.737.011 đồng; bị cáo Bùi Văn D mua 54 hoá đơn GTGT khống vào mục đích làm tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, làm giảm số thuế GTGT đầu ra phải nộp cho Doanh nghiệp B.

3.3. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

3.4. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo hành vi

phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51; tại giai đoạn điều tra bị cáo Trần Thị M tự nguyện nộp số tiền thu lời bất chính 14.737.000 đồng nhằm khắc phục toàn bộ hậu quả nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt đối với các bị cáo:

Về hình phạt chính: Bị cáo Trần Thị M, Bùi Văn D phạm tội lần đầu, đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; mặt khác đây là vụ án kinh tế có số lượng hoá đơn có giá trị không lớn, hậu quả đã được khắc phục do đó không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, mà chỉ cần xử phạt hình phạt tiền là hình phạt chính để sung ngân sách Nhà nước, phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra cũng đủ răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Do hình phạt chính đã áp dụng hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Trần Thị M 01 đầu ghi hình camera hiệu Dahua (được niêm phong); tịch thu đối với số tiền 14.737.000 đồng bị cáo Trần Thị M thu lời bất chính đã giao nộp, sung ngân sách Nhà nước.

[6] Về các nội dung khác trong vụ án:

Đối với chị Nguyễn Thị H được Trần Thị M nhờ viết hộ nội dung trong 30 hóa đơn GTGT không xuất bán cho Công ty B năm 2021 theo thông tin Trần Thị M cung cấp, ông Trần Trọng T là người trực tiếp ký 30 hóa đơn này theo đề nghị của Trần Thị M và chị Trần Thị L là người kê khai báo cáo thuế; tài liệu điều tra xác định cả ba người này đều không biết Trần Thị M bán hóa đơn không cho Công ty B. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị Nguyễn Thị H, ông Trần Trọng T và chị Trần Thị L là có cơ sở pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị K.T là kế toán của Công ty B có làm thủ tục kê khai báo cáo thuế trên cơ sở chứng từ tài liệu do Bùi Văn D cung cấp; tài liệu điều tra xác định chị Tuyên không tham gia bàn bạc và không biết việc Bùi Văn D mua 54 hóa đơn GTGT không. Do vậy cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Công ty B sử dụng 54 hóa đơn GTGT bất hợp pháp đưa vào kê khai hàng hóa mua vào, đã làm tăng số thuế GTGT mua vào được khấu trừ 93.601.397 đồng là hành vi trốn thuế. Do Bùi Văn D chưa bị xử lý hành chính về hành vi trốn thuế, chưa bị kết án về tội phạm nào đồng thời năm 2021, 2022 Chi cục

thuế khu vực Phủ Lý- Kim Bảng xác định chưa tiến hành kiểm tra thuế của Công ty B và kết quả giám định của Hội đồng giám định - Cục thuế tỉnh Hà Nam kết luận chưa đủ cơ sở xác định về giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty B nên chưa có đủ cơ sở xử lý hình sự đối với Bùi Văn D về tội “Trốn thuế”. Cơ quan quan điều tra đã ra văn bản kiến nghị Chi cục thuế khu vực Phủ Lý- Kim Bảng thu hồi số tiền Công ty B trốn thuế và xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Văn D là phù hợp pháp luật.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51 (riêng bị cáo Trần Thị M áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51); Điều 35; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị M, Bùi Văn D phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”; Xử phạt: Bị cáo Trần Thị M và bị cáo Bùi Văn D mỗi bị cáo số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị M, Bùi Văn D.

2. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Trần Thị M 01 đầu ghi hình camera hiệu Dahua, được niêm phong; tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 14.737.011 đồng (làm tròn là 14.737.000 đồng) bị cáo Trần Thị M đã giao nộp (*Theo Ủy nhiệm chi số 3278 ngày 30/12/2023 lập tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Nam*).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị M, Bùi Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng